

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 19-3-2021

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Anh Thư
2. Ông Nguyễn Văn Cao

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Thị Thanh Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

Ngày 19 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số **455/2020/TLST-HNGĐ** ngày 09 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐST-HNGĐ ngày 25/02/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Ngọc Q, sinh năm 1990; HKTT: Ấp 1, xã M, huyện B, tỉnh Long An. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1984; HKTT: Ấp 1, xã M, huyện B, tỉnh Long An. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/9/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc Q trình bày: Bà và ông T quen biết và được hai gia đình tổ chức lễ cưới năm 2009, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện B, tỉnh Long An. Sau khi cưới, cuộc sống chung không hạnh phúc do bất đồng về quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Từ đầu năm 2020 đến nay, mâu thuẫn vợ chồng trở nên gay gắt, bà và ông T tuy sống chung nhà nhưng không nói chuyện, không quan tâm đến nhau. Nay bà thấy tình cảm không còn nên yêu cầu ly hôn với ông T. Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 13/4/2012, Nguyễn Trâm A, sinh ngày 14/12/2009, bà Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng H, yêu cầu ông T nuôi dưỡng cháu Trâm A, không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổ chức hòa giải, để các bên đương sự thỏa thuận giải quyết các tranh chấp trong vụ án, nhưng ông T không đến mặc

dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do đó, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được, nên đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, ông T vắng mặt không lý do, mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa, giấy báo phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Phạm Thị Ngọc Q khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Đức T. Đây là tranh chấp ly hôn chịu sự điều chỉnh của Luật hôn nhân và gia đình. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Đức T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy báo phiên tòa, Quyết định hoãn phiên tòa, tuy nhiên ông T không đến. Căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn. Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ cũng như lời trình bày của bà Q để giải quyết vụ án.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của bà Q, xét thấy:

Bà Q và ông T quen biết và được hai gia đình tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Yên, huyện Bến Lức, tỉnh Long An vào ngày 09/02/2009, được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 06/2009, quyển số 1. Xác định quan hệ hôn nhân giữa bà Q và ông T là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Từ đầu năm 2020 đến nay, bà Q và ông T không còn nói chuyện, không quan tâm đến nhau. Do đó, có cơ sở cho thấy mối quan hệ hôn nhân giữa bà Q và ông T không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà Q yêu cầu ly hôn là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận cho ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 13/4/2012, Nguyễn Trâm A, sinh ngày 14/12/2009. Hiện nay, các cháu đang sống chung với bà Q và ông T. Sau khi ly hôn bà Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng H, yêu cầu ông T nuôi dưỡng cháu Trâm A. Quá trình giải quyết vụ án, cháu Trâm A có nguyện vọng sống chung với cha, cháu Hoàng H có nguyện vọng sống chung với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét giao cháu Trâm A cho ông T nuôi dưỡng, giao cháu Hoàng H cho bà Q nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Q không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Đây là sự tự nguyện của bà Q nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Q không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó, Hội đồng xét xử không xem xét về nợ chung và tài sản chung. Trường hợp các

đương sự có tranh chấp về tài sản, nợ chung, đương sự có thể khởi kiện thành vụ án khác.

[4] Về án phí sơ thẩm: Bà Q là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Ngọc Q với ông Nguyễn Đức T .

Về hôn nhân: Bà Phạm Thị Ngọc Q được ly hôn với ông Nguyễn Đức T .

Về nuôi con chung: Bà Phạm Thị Ngọc Q được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên Nguyễn Hoàng H, sinh ngày 13/4/2012, ông Nguyễn Đức T được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc con chung tên Nguyễn Trâm A, sinh ngày 14/12/2009. Bà Q , ông T đều không phải cấp dưỡng nuôi con chung do không ai yêu cầu.

Sau khi ly hôn, bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp có yêu cầu của một bên, cả hai bên hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con, thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Phạm Thị Ngọc Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn. Khấu trừ tiền tạm ứng án phí mà bà Q đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0002489 ngày 06 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bến Lức, tỉnh Long An. Bà Q đã nộp xong.

3. Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi

hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Bến Lức;
- Chi cục THA-DS huyện Bến Lức;
- UBND NĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, V.P.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lệ Thu